

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng công trình cải tạo kênh Cầu Trắng, đoạn từ đường tránh Quốc lộ 1A đến kênh Than và các công trình trên tuyến (phần công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn) thuộc dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Hiệp định tài trợ số hiệu 6426-VN; 6427-VN; 6428-VN và 6429-VN ký ngày 29/11/2019 cho Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB; Quyết định số 573/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 4994/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh về việc công bố bảng đơn giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư theo quy định của Nghị định 68/2019/NĐ-CP của Chính phủ; điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và phê duyệt khung tiêu chuẩn áp dụng cho dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3961/QĐ-UBND ngày 21/09/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Cải tạo kênh

Cầu Trắng, đoạn từ đường tránh Quốc lộ 1A đến kênh Than và các công trình trên tuyến (phần Nông nghiệp và PTNT);

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN tại Tờ trình số 69/TTr-BQLDAKV ngày 04/12/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng công trình: Cải tạo kênh Cầu Trắng, đoạn từ đường tránh Quốc lộ 1A đến kênh Than và các công trình trên tuyến (phần công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn) thuộc dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia (kèm theo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 4712/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 03/12/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng công trình: Cải tạo kênh Cầu Trắng, đoạn từ đường tránh Quốc lộ 1A đến kênh Than và các công trình trên tuyến (phần công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn) thuộc dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, với các nội dung như sau:

1. Lý do, cơ sở điều chỉnh dự toán xây dựng

- Cập nhật dự toán xây dựng theo bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa công bố tại Quyết định số 4994/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

- Cập nhật giá vật liệu theo công báo giá Quý III năm 2020 tại Công văn số 6180/LSXD-TC ngày 05/10/2020 của Liên sở Xây dựng - Tài chính.

2. Giá trị dự toán xây dựng điều chỉnh: 112.791.834.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 102.577.968.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 198.326.000 đồng;
- Chi phí QLDA: 1.119.717.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 241.591.000 đồng;
- Chi phí khác: 696.451.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 7.957.781.000 đồng.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Các nội dung khác: thực hiện theo Quyết định số 3961/QĐ-UBND ngày 21/09/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2: Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức quản lý, triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong quá trình triển khai thực hiện các bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Nông

ng nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 4712/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 03/12/2020.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn và Trưởng các ngành, đơn vị có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Văn Thi;
- Lưu: VT, THKH.
(50506.2020)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thi

Phụ lục: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG 03 CẦU CỜ GIỚI QUA KÊNH TẠI K0+600, K2+350, K4+235

Công trình: Cải tạo kênh Cầu Trắng đoạn từ đường tránh Quốc lộ 1 đến kênh Than

Thuộc dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tỉnh Gia

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung công việc	Cách tính		Giá trị dự toán trước thuế	Thuế VAT	Giá trị dự toán sau thuế
I	Chi phí xây dựng: Gxd			93.252.698.265	9.325.269.827	102.577.968.000
1	Kênh Cầu Trắng	Chi tiết		93.252.698.265	9.325.269.827	102.577.968.000
II	Chi phí thiết bị: Gtb			180.296.014	18.029.601	198.326.000
1	Mua thiết bị: Gmua	Chi tiết		144.886.367	14.488.637	159.375.004
2	Lắp đặt thiết bị	Chi tiết		33.815.897	3.381.590	37.197.487
3	Chi phí quản lý mua sắm thiết bị	1,10%	*Gmua	1.593.750	159.375	1.753.125
III	Chi phí quản lý dự án: Gqlđa	1,1984%	*(Gxd+Gtb)/1,1	1.119.717.000		1.119.717.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: Gtv			228.719.260	12.871.926	241.591.000
1	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	3691/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa		65.749.156	6.574.916	72.324.071
2	Chi phí thẩm tra dự toán			62.970.104	6.297.010	69.267.114
3	Chi phí giám sát	Có dự toán riêng toàn dự án				
4	Chi phí lập HSMT (Ban QLDA tự thực hiện)	Theo ND 63/2014		50.000.000		50.000.000
5	Đánh giá HS dự thầu TC XD (Ban QLDA tự thực hiện)	Theo ND 63/2014		50.000.000		50.000.000
V	Chi phí khác: Gk			643.822.000	52.629.000	696.451.000
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,54%	Gxd	503.564.571	50.356.457	553.921.028
2	Phí thẩm định thiết kế BVTC (Phụ lục 2 TT210/2016/TT- BTC; TT34/2020/TT-BTC)	3691/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa		8.865.000		8.865.000

Số TT	Nội dung công việc	Cách tính		Giá trị dự toán trước thuế	Thuế VAT	Giá trị dự toán sau thuế
3	Phí thẩm định dự toán BVTC (Phụ lục 2 TT210/2016/TT- BTC; TT34/2020/TT-BTC)	3691/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa		8.665.000		8.665.000
4	Chi phí thẩm định kết quả đấu thầu	Theo ND 63/2014		50.000.000		50.000.000
5	<i>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu</i>	Theo ND 63/2014		50.000.000		50.000.000
6	Chi phí kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành	Có dự toán riêng của toàn dự án			-	-
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán DAHT					-
8	Chi phí thẩm định giá	Tạm tính		22.727.273	2.272.727	25.000.000
VI	Chi phí dự phòng: Gdp					7.957.781.000
1	Dự phòng khối lượng phát sinh (không bao gồm dự phòng cho chi phí lãi vay, phí cam kết, phí thu xếp vốn, phí quản lý cho vay lại) : $5\% \cdot (I+II+III+IV+V)$	5%	$\cdot (I+II+III+IV+V)$			5.241.702.650
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá (không bao gồm dự phòng cho chi phí lãi vay, phí cam kết, phí thu xếp vốn, phí quản lý cho vay lại)	2,591%				2.716.078.192
	Tổng cộng (I+...VI)					112.791.834.000